

Bản án số: 03/2024/KDTM-PT

Ngày 12-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng thi công  
và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Đắc Dương

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Trung

Ông Đặng Văn Hùng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Duy Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2024/TLPT-KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng thi công và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V; địa chỉ F, P, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phan Phi D, chức vụ: Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đặng Hữu T, Trưởng phòng hành chính, kế hoạch tài chính của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền số 161/TTPTQĐ-HCKHTC ngày 12/6/2023) (có mặt).

***- Bị đơn:*** Công ty trách nhiệm hữu hạn X; địa chỉ ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Nguyễn Văn H, chức vụ Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc công ty.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1975; địa chỉ số B P, Khóm B, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 02/7/2022) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh tỉnh T; địa chỉ số B, L, Khóm C, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Phạm Ngọc L, chức vụ: Giám đốc chi nhánh T.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Huỳnh Nghi Trung M, chức vụ: Trưởng phòng KHDN (theo văn bản ủy quyền số: 828/GUQ-BIDV.TV ngày 13/7/2022) (xin xét xử vắng mặt).

2. Công ty Cổ phần tư vấn - Quản lý các dự án xây dựng tỉnh V; địa chỉ số A L, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Hoàng Minh T1, chức vụ: Giám đốc (xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1973; địa chỉ ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Thành viên góp vốn Công ty TNHH X (xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn X là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2012, đơn khởi kiện bổ sung và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V trình bày: Trung tâm K (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long - thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V) được Ủy ban nhân dân tỉnh V giao làm chủ đầu tư Công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư - dịch vụ P, thuộc xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi thực hiện thủ tục đấu thầu thì Công ty trách nhiệm hữu hạn X (gọi tắt là Công ty X) đã trúng thầu gói thầu số 2. Sau đó Trung tâm phát triển quỹ đất K và Công ty X ký kết hợp đồng số 57/HĐ.TCXL ngày 12 tháng 6 năm 2009 về việc thi công san lấp mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng gói thầu số 2, theo đúng bản vẽ thiết kế với diện tích theo gói thầu là 206.450,20m<sup>2</sup>, giá trị hợp đồng là 42.588.954.000 đồng. Thời gian thi công là 12 tháng tính từ ngày 25 tháng 6 năm 2009 (kể cả ngày thứ bảy, chủ nhật). Ngoài ra trong hợp đồng còn giao kết điều kiện thanh toán, quyết toán, mức thưởng - phạt theo hợp đồng tối đa không quá 12% giá trị hợp đồng.

Để bảo đảm thực hiện hợp đồng số 57/HĐ.TCXL ngày 12 tháng 6 năm 2009 Công ty X làm thủ tục ký gửi chứng thư bảo lãnh tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Chi nhánh tỉnh T số tiền 1.277.669.000 đồng. Đồng thời ngày 16 tháng 6 năm 2009 Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long cho Công ty X tạm ứng số tiền 14.900.000.000 đồng tương đương 35% giá trị hợp đồng. Sau đó Trung tâm K bàn giao mặt bằng cho Công ty X 169.651,51m<sup>2</sup>/197.847,3m<sup>2</sup>. Công ty X đã thi công được một phần và tạm ứng khối lượng thi công đợt 1 là 3.494.900.000 đồng vào ngày 01 tháng 9 năm 2010, thực tế Công ty X thi công được 35,2% trên diện tích đã giao như vậy Công ty X đã tạm ứng hai lần với số tiền 18.394.900.000 đồng. Do Công ty X không thực hiện đúng tiến độ công trình, đơn vị giám sát nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng Công ty X không khắc phục nên Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long ra quyết định xử phạt vi phạm hợp đồng hai lần với số tiền bằng 1.944.688.854 đồng (713.500.000 đồng + 1.231.188.854 đồng). Đến ngày 15 tháng 11 năm 2010 Công ty X tự ý ngừng thi công và chuyển toàn bộ thiết bị, phương tiện thi công ra khỏi công trình nên Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long đề nghị Ngân hàng Đ chi nhánh T chuyển số tiền do Công ty X ký bảo lãnh thực hiện hợp đồng bằng 1.277.669.000 đồng cho Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long. Đồng thời, Trung tâm K phải thuê tư vấn kiểm định chất lượng thi công, thẩm tra lập lại dự toán, trượt giá vật tư, nhân công do lập lại dự toán phần khối lượng còn lại của công trình, chi trả tiền thuê nhà trọ cho các hộ dân thuộc diện tái định cư.

Sau đó Công ty X cung cấp hồ sơ để quyết toán khối lượng đã thi công thực tế là 13.026.966.031 đồng và được Ủy ban nhân dân tỉnh V phê duyệt tại quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2017 với khối lượng chấp nhận phê duyệt cho Công ty X là 12.980.354.826 đồng và hai bên đã thống nhất quyết toán khối lượng theo quyết định này. Tuy nhiên, căn cứ vào Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND của UBND tỉnh V ngày 13 tháng 3 năm 2007 tại điểm d khoản 2 Điều 18 quy định “Đối với các hợp đồng xây dựng (giao nhận thầu) mà trong đó có quy định cụ thể về mức phạt do vi phạm hợp đồng. Nếu trong quá trình thực hiện có vi phạm mà chủ đầu tư và đơn vị thi công không thực hiện quyết định xử phạt thì cơ quan thanh toán, thẩm tra quyết toán được quyền từ chối hoặc loại khỏi giá trị quyết toán tương ứng mức độ vi phạm đã được quy định trong hợp đồng, đồng thời báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh”. Cho nên đơn vị quyết toán căn cứ quy định này đã loại khỏi giá trị quyết toán số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 1.944.688.854 đồng. Do đó tại quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh V chấp nhận quyết toán là 11.035.665.972 đồng, do Công ty X đã tạm ứng của Trung tâm quỹ đất Vĩnh Long số tiền là 18.394.900.000 đồng nên Công ty X còn phải trả lại cho Trung tâm quỹ đất Vĩnh Long là 7.359.234.028 đồng.

Nay Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc Công ty X có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Trung tâm K tổng cộng số tiền bằng 25.201.504.206 đồng gồm các khoản như sau:

1. Hoàn trả khoản tiền vốn đã tạm ứng còn thừa lại là 7.359.234.028 đồng (18.394.900.000 đồng - 11.035.665.972 đồng).

2. Khoản tiền lãi trên số tiền tạm ứng vượt là 5.414.545.174 đồng (18.394.900.000 đồng - 12.980.354.826 đồng) với mức lãi 9%/năm, tính lãi kể từ ngày 01/02/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/8/2023 là 5.627.066.072 đồng.

3. Bồi thường thiệt hại với số tiền là 12.215.204.106 đồng bao gồm: Tiền chi phí thuê tư vấn kiểm định chất lượng thi công, thẩm tra lập lại dự toán bằng 70.134.000 đồng, tiền trượt giá vật tư, nhân công do lập lại dự toán phần khối lượng còn lại chưa thi công là 11.425.070.106 đồng, tiền hỗ trợ thuê nhà trọ cho các hộ dân thuộc diện tái định cư do kéo dài thời gian thi công công trình là 720.000.000 đồng.

Đồng thời Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long yêu cầu Công ty X tiếp tục trả lãi phát sinh số tiền tạm ứng vượt 5.414.545.174 đồng cho đến khi nào thanh toán dứt điểm số tiền nêu trên. Đối với số tiền còn lại 19.786.959.032 đồng Trung tâm quỹ đất Vĩnh Long không yêu cầu tính lãi phát sinh cho đến khi thi hành án xong.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn X (gọi tắt là Công ty X) thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng số 57/HĐ-TCXL ngày 12 tháng 6 năm 2009 để thi công gói thầu dự án khu công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư - dịch vụ P. Công ty X thừa nhận có tạm ứng của Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long hai lần với số tiền bằng 18.394.900.000 đồng. Công ty X đồng ý hoàn trả khoản tiền tạm ứng thừa cho Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long bằng 5.414.545.174 đồng và đồng ý trả lãi suất 9%/năm thời gian tính từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Riêng khoản phạt hợp đồng số tiền bằng 1.944.688.854 đồng Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long tự khấu trừ vào giá trị công trình do Công ty X đã thi công thì Công ty X không đồng ý. Mặt khác Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long còn tự ý đề nghị Ngân hàng Đ chi nhánh T chuyển tiền ký gởi bảo lãnh thực hiện công trình bằng 1.277.669.000 đồng cho Trung tâm K là sai với nội dung hợp đồng đã ký kết. Do đó Công ty X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long hoàn trả số tiền bảo lãnh hợp đồng bằng 1.277.669.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất là 9%/năm, thời gian tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2010 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Đ Chi nhánh tỉnh T trình bày: Ngày 04 tháng 6 năm 2009 Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ có phát

hành chứng thư bảo lãnh số 20/BL- QHKH để thực hiện hợp đồng số 57/HĐ.TCXL ngày 12 tháng 6 năm 2009 giữa Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long và Công ty X với số tiền bảo lãnh là 1.277.669.000 đồng. Đến ngày 06 tháng 9 năm 2010 Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long có Công văn số 115/TT-HCTH đề nghị Ngân hàng chuyển tiền bảo lãnh vào tài khoản của Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long. Ngày 15 tháng 9 năm 2010 Công ty X đã nộp tiền vào tài khoản để Ngân hàng chuyển cho Trung tâm K đủ số tiền là 1.277.669.000 đồng. Như vậy đến thời điểm hiện tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ không còn bất cứ nghĩa vụ liên quan nào đến chứng thư bảo lãnh nêu trên, cũng như liên quan đến tranh chấp giữa Công ty X với Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần T trình bày: Đến thời điểm hiện tại, hợp đồng tư vấn giám sát số 29/2009/HĐ TVGS ngày 07 tháng 4 năm 2009 đã được thanh lý theo biên bản thanh lý hợp đồng số 01/TLHĐ-2013 ngày 18 tháng 12 năm 2013 và hợp đồng tư vấn quản lý dự án số 74/2010/HĐTVQLDA ngày 11 tháng 3 năm 2010 đã được thanh lý theo biên bản hợp đồng số 02/TLHĐ-2013 ngày 19 tháng 12 năm 2013. Nên Công ty cổ phần T không còn bất cứ nghĩa vụ liên quan đến tranh chấp giữa Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long với Công ty X. Yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Ông là thành viên góp vốn của Công ty X với số tiền là 500.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 0,417%, số tiền góp vốn là của Công ty X do ông Nguyễn Văn H bỏ ra nhờ ông đứng tên dùm, không phải là tiền cá nhân ông, ông chỉ đứng tên thành viên góp vốn về mặt pháp luật để thành lập Công ty X, do đó việc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long khởi kiện Công ty X thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và ông cũng không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long. Đình chỉ xét xử đối với số tiền theo các yêu cầu khởi kiện bổ sung bị rút là 13.026.966.013 đồng và phần lãi phát sinh đối với khoản tiền theo mức lãi suất là 9%/năm kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2012. Ghi nhận và buộc Công ty X phải có nghĩa vụ trả cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long số tiền bằng 11.883.213.378 đồng. Giao Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng (không phải trả lại cho Công ty X) bằng 1.277.669.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty X. Đình chỉ xét xử đối với số tiền theo các yêu cầu phản tố bị rút là 5.820.674.480 đồng và phần lãi

phát sinh đối với khoản tiền này theo mức lãi suất là 9%/năm kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2012. Buộc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long tính đủ khối lượng thi công cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn X số tiền bằng 12.980.354.826 đồng, nhưng khoản tiền chênh lệch 1.944.688.854 đồng do Công ty X còn phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long được tiếp tục giữ số tiền này để cản trừ nghĩa vụ của nhau khi thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm Công ty X kháng cáo. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 02/2020/KDTM-PT ngày 11 tháng 8 năm 2020 đã xét xử hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đã xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn và buộc Công ty X phải trả cho Trung tâm K tổng số tiền 11.801.396.246 đồng gồm các khoản tiền tạm ứng vượt là 5.414.545.174 đồng, tiền lãi 5.627.066.072 đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng theo quyết định số 27/QĐ-TT ngày 26 tháng 7 năm 2010 là 713.500.000 đồng, tiền thuê tư vấn kiểm định chất lượng thi công, thẩm tra lập lại dự toán 46.285.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với tổng số tiền là 13.400.107.960 đồng bao gồm: Tiền phạt vi phạm hợp đồng 1.231.188.854 đồng theo quyết định xử phạt số 20/QĐ -TT ngày 11 tháng 8 năm 2011, tiền thuê tư vấn kiểm định chất lượng thi công, thẩm tra lập lại dự toán chênh lệch là 23.849.000 đồng, tiền trượt giá vật tư, nhân công do lập lại dự toán phần khối lượng còn lại chưa thi công là 11.425.070.106 đồng, tiền hỗ trợ thuê nhà trọ cho các hộ dân thuộc diện tái định cư 720.000.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long số tiền là 13.026.966.031 đồng và lãi phát sinh gồm các khoản: yêu cầu khởi kiện bổ sung lần 01 ngày 03 tháng 7 năm 2013 với số tiền yêu cầu là 8.400.736.331 đồng và yêu cầu khởi kiện bổ sung lần 02 ngày 18 tháng 10 năm 2016 với số tiền yêu cầu là 4.626.229.700 đồng và phần lãi phát sinh của hai khoản tiền trên. Tiền thuê tư vấn kiểm định chất lượng thi công, thẩm tra lập lại dự toán là 22.437.000 đồng, tiền hỗ trợ thuê nhà trọ cho các hộ dân thuộc diện tái định cư 1.262.000.000 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty X. Buộc Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long phải trả cho Công ty X số tiền 1.933.938.500 đồng trong đó gồm tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng là 1.277.669.000 đồng và tiền lãi là 656. 269.500 đồng. (được tính trên số tiền 564.169.000

đồng/1.277.669.000 đồng, tính lãi từ ngày 15/9/2010 cho đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 18/8/2023 với lãi suất 9%/năm).

5. Không chấp nhận việc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long khấu trừ khoản tiền khối lượng thi công của Công ty X là 1.944.688.854 đồng vào tiền phạt vi phạm hợp đồng. Buộc Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long trả lại tiền phạt vi phạm hợp đồng là 1.944.688.854 đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền bảo lãnh chênh lệch 713.500.000 đồng/1.277.669.000 đồng với lãi suất 09%/năm kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2010 cho đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 18 tháng 8 năm 2023 với số tiền lãi 829.978.000 đồng.

7. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bị đơn rút lại số tiền theo các khoản khối lượng thi công ban ủi - lu lèn (K85) do kết quả kiểm định khối lượng thi công còn thiếu với số tiền là 710.000.000 đồng, tiền bồi thường thiệt hại theo hợp đồng số 57/HĐ-TCXL ngày 12 tháng 6 năm 2009 với số tiền là 5.110.674.480 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thỏa thuận, tự nguyện thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 06 tháng 9 năm 2024 ông Nguyễn Văn H là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty X kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của nguyên đơn Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long trong việc yêu cầu bị đơn cho trả tiền phạt vi phạm hợp đồng với số tiền 713.500.000 đồng (theo quyết định xử phạt số 27/QĐ-TT ngày 26/7/2010 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long).

Bác yêu cầu của nguyên đơn Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long trong việc yêu cầu bị đơn Công ty X trả lãi suất 9%/năm đối với số tiền ứng vượt 5.414.545.174 đồng kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2012 đến ngày xét xử sơ thẩm. Công ty X đồng ý chi trả lãi suất 9%/năm đối với số tiền ứng vượt kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 (là ngày UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2587/QĐ-UBND về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành) đến khi xét xử sơ thẩm.

Buộc nguyên đơn Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long phải chi trả tiền lãi 9%/năm đối với số tiền tịch thu bảo lãnh hợp đồng 1.277.669.000 đồng cho bị đơn Công ty X kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2010 cho đến khi xét xử sơ thẩm ngày 18 tháng 8 năm 2023.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử phúc thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty X không đồng ý tính lãi suất 9%/năm đối với số tiền vượt tạm ứng 5.414.545.174 đồng tính kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012 đến ngày xét xử sơ thẩm mà chỉ đồng ý tính lãi kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Công ty X thi công san lấp mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng gói thầu số 2, khối lượng thi công được đơn vị thanh toán, kiểm tra quyết toán chấp nhận phê duyệt cho Công ty X là 12.980.354.826 đồng. Nên số tiền tạm ứng vượt của Trung tâm quỹ đất Vĩnh Long cho Công ty X là 5.414.545.174 đồng và bị đơn Công ty X đã cam kết hạn chót hoàn trả tiền tạm ứng vượt này cho nguyên đơn Trung tâm Quỹ đất tỉnh Vĩnh Long là ngày 01 tháng 12 năm 2012 nhưng bị đơn vẫn không thực hiện và kể từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết từ năm 2012 bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền trên, nhưng cũng không thực hiện việc trả nợ từ đó bản án sơ thẩm tính lãi suất kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 18 tháng 8 năm 2023 là phù hợp với quy định.

Đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty X không đồng ý số tiền phạt vi phạm hợp đồng bằng 713.500.000 đồng. Từ khi nhận mặt bằng Trung tâm quỹ đất Vĩnh Long đã giao cho nhà thầu tổng diện tích là 169.651,51m<sup>2</sup>, tương đương 85,75% diện tích theo hợp đồng. Nhưng thực tế Công ty X chỉ thực hiện thi công đạt 35,2% so với diện tích đã nhận cho thấy Công ty X đã chậm trễ tiến độ thi công, nhưng không có báo cáo những khó khăn vướng mắc trong quá trình thi công để chủ đầu tư, giám sát thi công xem xét tìm biện pháp tháo gỡ, nên đã vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng. Căn cứ vào biên bản xác nhận khối lượng thi công chậm tiến độ được xác định giữa 02 bên lập ngày 06 tháng 7 năm 2010 thì Công ty X cũng thừa nhận khối lượng chậm tiến độ so với khối lượng phải thực hiện có giá trị là 23.785.209.829 đồng. Cho nên Công ty T, giám sát có Công văn số 191/CV. PMC ngày 14 tháng 7 năm 2010 đề xuất Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long phạt vi phạm chậm tiến độ với mức phạt là 3% giá trị khối lượng chậm tiến độ, từ đó Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long ban hành quyết định số 27/QĐ-TT ngày 26 tháng 7 năm 2010 xử phạt Công ty X với



số tiền 713.500.000 đồng là phù hợp với Điều 17 của hợp đồng và khoản 2 Điều 110 của Luật xây dựng năm 2003.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty X yêu cầu tính tiền lãi 9%/năm kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2010 đối với số tiền nguyên đơn đã tịch thu số tiền bảo lãnh 1.277.669.000 đồng. Tại chứng thư bảo lãnh số 20/BL - QHKH ngày 04 tháng 6 năm 2009 của Ngân hàng Đ - chi nhánh T thể hiện cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Công ty X với số tiền 1.277.669.000 đồng và cam kết thanh toán vô điều kiện. Cho nên, khi có Công văn số 115/TT-HCTH của Trung tâm quỹ đất Vĩnh Long ngày 06 tháng 9 năm 2010 thì ngày 15 tháng 9 năm 2010 Ngân hàng Đ - Chi nhánh tỉnh T đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Trung tâm quỹ đất Vĩnh Long theo Ủy nhiệm chi số 0027 ngày 15 tháng 9 năm 2010 việc Ngân hàng Đ - Chi nhánh tỉnh T đã thực hiện chuyển khoản là đúng theo quy định của chứng thư bảo lãnh. Tuy nhiên xét thấy tại Điều 8 của hợp đồng số 57/HĐ.TCXL hai bên thỏa thuận “Bên B nộp cho bên A bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 3% giá trị hợp đồng ít nhất là 3 ngày trước khi ký hợp đồng; nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực”. Nên việc Công ty X yêu cầu Trung tâm K chuyển trả số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng là 1.277.669.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu tính lãi phát sinh 09%/năm kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2010 cho đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 18 tháng 8 năm 2023 là không có căn cứ. Vì số tiền trên là số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo Điều 8 Hợp đồng số 57. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã căn trừ số tiền 713.500.000 đồng và tính lãi đối với số tiền còn lại 564.169.000 đồng/1.277.669.000 đồng với lãi suất bằng 656.269.500 đồng nhưng nguyên đơn không kháng cáo nên không xem xét.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ của các đương sự và quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn H là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty X kháng cáo, việc kháng cáo của các đương sự còn trong hạn luật định nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty X.

Xét thấy tổng số tiền Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long tạm ứng cho Công ty X là 18.394.900.000 đồng, tại quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh V “Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành cho Công ty X” thì Ủy ban nhân dân tỉnh V chấp nhận phê duyệt khối lượng thi công hoàn thành là 12.980.354.826 đồng, án sơ thẩm buộc Công ty X trả cho Trung tâm K số tiền tạm ứng vượt là 5.414.545.174 đồng là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Về lãi suất các bên thỏa thuận lãi suất là 9%/năm là sự tự nguyện, không vượt hơn so với lãi suất quy định của pháp luật nên cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện này của hai bên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, về thời hạn tính lãi suất kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2012 (là ngày tiếp theo mà Công ty X cam kết hạn chót hoàn trả tiền tạm ứng vượt cho Quỹ đất Vĩnh Long) đến ngày xét xử sơ thẩm 18 tháng 8 năm 2023 là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó lãi suất được tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2012 đến 18 tháng 8 năm 2023 là 5.627.066.072 đồng ( 5.414.545.174 đồng x 9%/năm x 138 tháng 17 ngày), kháng cáo của Công ty X yêu cầu tính lãi suất từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng là 713.500.000 đồng. Xét thấy từ khi nhận mặt bằng Trung tâm quỹ đất Vĩnh Long đã giao cho nhà thầu tổng diện tích là 169.651,51m<sup>2</sup>, tương đương 85,75% diện tích theo hợp đồng. Nhưng thực tế Công ty X chỉ thực hiện thi công đạt 35,2% so với diện tích đã nhận, cho thấy Công ty X đã chậm trễ tiến độ thi công, nhưng không có báo cáo những khó khăn vướng mắc trong quá trình thi công để chủ đầu tư, giám sát thi công xem xét tìm biện pháp tháo gỡ, nên đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng. Căn cứ vào biên bản xác nhận khối lượng thi công chậm tiến độ được xác định giữa 02 bên lập ngày 06 tháng 7 năm 2010 thì Công ty X cũng thừa nhận khối lượng chậm tiến độ so với khối lượng phải thực hiện có giá trị là 23.785.209.829 đồng. Cho nên Công ty T, giám sát có Công văn số 191/CV. PMC ngày 14 tháng 7 năm 2010 đề xuất Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long phạt vi phạm chậm tiến độ với mức phạt là 3% giá trị khối lượng chậm tiến độ, từ đó Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long ban hành quyết định số 27/QĐ-TT ngày 26 tháng 7 năm 2010 xử phạt Công ty X với số tiền 713.500.000 đồng là phù hợp với Điều 17 của hợp đồng và khoản 2 Điều 110 của Luật xây dựng năm 2003 án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Về lãi suất đối với số tiền bảo lãnh hợp đồng là 1.277.669.000 đồng, sau khi có Quyết định số 27/QĐ-TT ngày 26 tháng 7 năm 2010 xử phạt công ty X với số tiền phạt là 713.500.000 đồng nhưng Công ty X không nộp phạt nên án sơ thẩm khấu trừ phần nộp phạt vào khoản tiền bảo lãnh hợp đồng còn lại là

564.169.000 đồng và tính lãi suất 9%/năm được tính từ ngày 15/9/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm là 656.269.500 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định và phân tích trên xét thấy không có cơ sở để thỏa mãn yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty X, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh là phù hợp với các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ kiện, phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn X. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bị đơn Công ty X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 75, 76, 80, 81, 107, 108 và Điều 110 của Luật Xây dựng năm 2003.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn X. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh về việc tranh chấp hợp đồng thi công và yêu cầu bồi thường thiệt hại giữa nguyên đơn Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn X.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn X phải trả cho Trung tâm phát triển quỹ đất Vĩnh Long tổng số tiền 11.801.396.246 đồng (Mười một tỷ tám trăm lẻ một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng) (gồm các khoản như tiền tạm ứng vượt là 5.414.545.174 đồng, tiền lãi 5.627.066.072 đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng theo quyết định số 27/QĐ-TT ngày 26 tháng 7 năm 2010 là 713.500.000 đồng, tiền thuê tư vấn kiểm định chất lượng thi công, thẩm tra lập lại dự toán 46.285.000 đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn X. Buộc Trung tâm K phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền 1.933.938.500 đồng (Một tỷ chín trăm ba mươi ba triệu chín trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng) (gồm tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng là 1.277.669.000 đồng và tiền lãi là 656.269.500 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả, về lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0018115 ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn X đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND TP Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Đặc Dương**